



**TAN CANG**  
**WAREHOUSING**

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng – Cát Lái, Phường Cát Lái, Quận 2, TP.HCM

ĐT: (028) 37423929 Fax: (028) 37422014

Website : www.tancangwarehousing.com.vn

Thành phố Hồ Chí Minh ngày 16 tháng 5 năm 2018

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

KINH ĐOÀN

Ngày: 18-05-2018

12468

Số:.....

Số: 2018/NQ-ĐHCD

**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Kho vận Tân Cảng;

Căn cứ Biên bản họp đại hội Đồng cổ đông ngày 16/5/2018.

**QUYẾT NGHỊ**

Ngày 16/5/2018, Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Kho vận Tân Cảng được tổ chức với sự tham gia của 56 cổ đông và đại diện cổ đông, sở hữu và đại diện sở hữu cho 13.463.305 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 89,7658% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Sau khi nghe nội dung các Báo cáo và các Tờ trình, Đại hội đã thảo luận và biểu quyết nhất trí thông qua nghị quyết với các nội dung như sau:

**Điều 1: Thông qua Báo cáo của HĐQT năm 2017 và Kế hoạch năm 2018**

**1. Kết quả sản lượng, doanh thu chi phí thực hiện năm 2017 công ty mẹ**

**a) Kết quả sản lượng**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2016	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	% so với KH	% so cùng kỳ
<b>I</b>	<b>Sản lượng thông qua bãi</b>	<b>Teu</b>	<b>521.507</b>	<b>552.797</b>	<b>540.351</b>	<b>97,7</b>	<b>103,61</b>
1	Bãi CL		292.675	310.236	328.163	105,78	112,13
2	Bãi Cảng Mở		103.681	109.902	107.586	97,89	103,77
3	Bãi TC-ST		125.151	132.660	104.602	78,8	83,58
<b>II</b>	<b>Sản lượng thông qua kho</b>	<b>Tấn</b>	<b>1.029.831</b>	<b>1.143.114</b>	<b>1.134.379</b>	<b>99,24</b>	<b>110,15</b>
1	Kho Cát Lái		1.029.831	1.143.114	1.134.379	99,24	110,15
<b>III</b>	<b>Sản lượng vận tải vòng ngoài</b>	<b>Teu</b>	<b>13.883</b>	<b>33.901</b>	<b>33.169</b>	<b>97,8</b>	<b>238,92</b>

b) Kết quả thực hiện doanh thu, chi phí, lợi nhuận.

Đơn vị tính: trđ

Chỉ tiêu	Thực hiện 2016	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	% so KH	% so cùng kỳ
A		1	2		
<b>I. Tổng doanh thu, thu nhập thuần, lãi lỗ LKLD</b>	<b>476.611</b>	<b>550.143</b>	<b>567.279</b>	<b>103,11</b>	<b>119,02</b>
1. Doanh thu bán hàng	468.834	546.343	557.134	101,98	118,83
2. Doanh thu hoạt động tài chính	6.629	3.400	8.965	263,67	135,24
3. Thu nhập khác	1.148	400	1.180	295,09	102,81
<b>II. Tổng chi phí</b>	<b>405.295</b>	<b>478.273</b>	<b>495.045</b>	<b>103,51</b>	<b>122,14</b>
1. Giá vốn hàng bán	347.606	419.666	439.058	104,62	126,31
2. Chi phí tài chính	12.252	12.545	11.760	93,74	96
3. Chi phí bán hàng	5.357	8.972	5.628	62,72	105,04
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	38.830	36.690	37.431	102,02	96,4
5. Chi phí khác	1.250	400	1.168	291,89	93,41
<b>III. Tổng lợi nhuận trước thuế</b>	<b>71.316</b>	<b>71.870</b>	<b>72.234</b>	<b>100,51</b>	<b>101,29</b>
1. Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành	14.946	13.894	14.327	103,12	95,86
2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(519)		366		
<b>IV. Tổng lợi nhuận sau thuế</b>	<b>56.889</b>	<b>57.976</b>	<b>57.541</b>	<b>99,25</b>	<b>101,15</b>

2. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017 (BCTC Hợp nhất kiểm toán năm 2017)

Đơn vị tính: trđ

Chỉ tiêu	Thực hiện 2016	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	% so KH	% so cùng kỳ
A		1	2		
<b>I. Tổng doanh thu, thu nhập thuần, lãi lỗ LKLD</b>	<b>627.899</b>	<b>690.337</b>	<b>686.897</b>	<b>99,5</b>	<b>109,4</b>
1. Doanh thu bán hàng	622.634	687.999	679.417	98,75	109,12
2. Doanh thu hoạt động tài chính	4.764	1.161	6.117	526,85	128,39
3. Thu nhập khác	584	1.177	1.312	111,43	224,53
4. Phần lỗ, lãi trong công ty liên kết	(83)	-	51	-	
<b>II. Tổng chi phí</b>	<b>548.355</b>	<b>608.328</b>	<b>607.301</b>	<b>99,83</b>	<b>110,75</b>
1. Giá vốn hàng bán	477.742	535.999	539.185	100,59	112,86
2. Chi phí tài chính	18.726	18.541	17.179	92,66	91,74
3. Chi phí bán hàng	5.888	10.446	6.502	62,24	110,43
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	44.464	42.827	42.987	100,37	96,68
5. Chi phí khác	1.535	515	1.448	281,09	94,27
<b>III. Tổng lợi nhuận trước thuế</b>	<b>79.544</b>	<b>82.009</b>	<b>79.596</b>	<b>97,05</b>	<b>100,07</b>

Chỉ tiêu	Thực hiện 2016	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	% so KH	% so cùng kỳ
1. Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành	17.065	16.399	16.464	100,39	96,48
2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(519)	-	366	-	
<b>IV. Tổng lợi nhuận sau thuế</b>	<b>62.998</b>	<b>65.610</b>	<b>62.766</b>	<b>95,67</b>	<b>99,63</b>
<b>V. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đ/CP)</b>	<b>3.309</b>	<b>3.422</b>	<b>3.223</b>	<b>94,18</b>	<b>97,4</b>

**3. Kế hoạch sản lượng, doanh thu, chi phí, lợi nhuận năm 2018 (Công ty mẹ):**

**a. Kế hoạch sản lượng năm 2018**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018	(%)
<b>I</b>	<b>Sản lượng thông qua bãi</b>	<b>Teu</b>	<b>540.351</b>	<b>567.369</b>	<b>105,00</b>
1	Bãi CL		328.163	344.571	105,00
2	Bãi Cảng Mở		107.586	112.965	105,00
3	Bãi TC-Suối Tiên		104.602	109.832	105,00
<b>II</b>	<b>Sản lượng thông qua kho</b>	<b>Tấn</b>	<b>1.134.379</b>	<b>1.254.361</b>	<b>110,58</b>
1	Kho Cát Lái		1.134.379	1.254.361	110,58
<b>III</b>	<b>Sản lượng vận tải vòng ngoài</b>	<b>Teu</b>	<b>33.169</b>	<b>33.301</b>	<b>100,40</b>

**b. Kế hoạch doanh thu chi phí, lợi nhuận năm 2018**

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện Năm 2017	Kế hoạch Năm 2018	Tỷ lệ (%)
<b>A</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3=2/1*100</b>
<b>I. Tổng doanh thu, thu nhập thuần</b>	<b>567.279.172.581</b>	<b>605.268.609.920</b>	<b>106,7</b>
1. Doanh thu bán hàng	557.134.160.469	598.517.609.920	107,43
2. Doanh thu hoạt động tài chính	8.964.666.685	6.206.000.000	69,23
3. Thu nhập khác	1.180.345.427	545.000.000	46,17
<b>II. Tổng chi phí</b>	<b>495.044.688.323</b>	<b>530.526.770.014</b>	<b>107,17</b>
1. Giá vốn hàng bán	439.058.231.242	473.562.419.908	107,86
2. Chi phí tài chính	11.759.944.637	10.876.335.417	92,49
3. Chi phí bán hàng	5.627.505.234	7.049.200.000	125,26
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	37.431.466.042	38.493.314.689	102,84
5. Chi phí khác	1.167.541.168	545.500.000	46,72

Chỉ tiêu	Thực hiện Năm 2017	Kế hoạch Năm 2018	Tỷ lệ (%)
<b>III. Tổng lợi nhuận trước thuế</b>	<b>72.234.484.258</b>	<b>74.741.839.906</b>	<b>103,47</b>
1. Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành	14.327.158.412	14.307.167.981	99,86
2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	366.168.195	-	-
<b>IV. Tổng lợi nhuận sau thuế</b>	<b>57.541.157.651</b>	<b>60.434.671.925</b>	<b>105,03</b>

#### 4. Thông qua kết quả đầu tư năm 2017

Đơn vị tính: trđ

STT	TÊN HẠNG MỤC ĐẦU TƯ	Kế Hoạch 2017	Thực hiện 2017	% TH/ KH 2017
<b>A</b>	<b>CÔNG TY MẸ ĐẦU TƯ</b>	<b>202.716</b>	<b>44.951</b>	<b>22,17</b>
<b>I</b>	<b>ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN</b>	<b>18.526</b>	<b>14.503</b>	<b>78,28</b>
1	Xây dựng kho 02 tầng GĐ1 (phần còn lại)	12.650	11.005	87
2	Sửa chữa kho 05 Cát Lái	3.376	2.698	79,9
3	Mở rộng văn phòng kho 5 Cát Lái	2.500	800	32
<b>II</b>	<b>MUA SẴM THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ</b>	<b>33.253</b>	<b>30.448</b>	<b>91,56</b>
1	Camera kho 2,3	4.502	4.502	100
2	HT chữa cháy tự động sprinkler	6.490	4.554	70,2
3	06 xe đầu kéo nội bộ	10.575	10.575	101
4	03 Mooc nội bộ	1.050	-	-
5	03 mooc qua khổ	1.860	1.860	100
6	05 Handheld thủ kho	247	275	111,3
7	08 Handheld kho đầu kéo nội bộ	680	729	107,2
8	Mở rộng tính năng phân hệ kho CFS phần mềm WMSVN	1.549	1.549	100
9	Phân hệ kho Ngoại quan WMSVN	4.000	1.222	30,55
10	08 Máy phát điện	2.000	647	32,35
11	15 Mooc vận tải ngoài	4.425	4.425	100
<b>III</b>	<b>ĐẦU TƯ DỰ ÁN</b>	<b>147.517</b>	<b>-</b>	
	Cảng thủy nội địa Q9	147.517		
<b>III</b>	<b>ĐẦU TƯ RA NGOÀI DN</b>	<b>3.420</b>	<b>0</b>	
	Góp thêm vốn vào TC-HL	3.420	0	

## 5. Kế hoạch đầu tư năm 2018

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	TÊN HẠNG MỤC ĐẦU TƯ	KH 2018
<b>I</b>	<b>ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN</b>	<b>4.665</b>
1	Sửa chữa kho 05 Cát Lái (Quyết toán)	665
2	Mở rộng văn phòng kho 5 Cát Lái	1.700
3	Đường cho người đi bộ khu vực kho, bãi CL	300
4	Bãi đậu xe VTVN Phú Hữu (dãi đá, lu lèn; dựng hàng rào)	2.000
<b>II</b>	<b>MUA SẴM THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ</b>	<b>18.826</b>
1	Phần mềm kho ngoại quan	2.778
2	Máy phát điện xe chạy ngoài (05 máy)	1.353
3	Nâng cấp lưu trữ dữ liệu camera	1.575
4	Thiết bị tường lửa	500
5	Moọc QK, QT	620
6	Xe nâng hàng phục vụ xếp dỡ tại bãi Cát Lái	12.000
<b>III</b>	<b>ĐẦU TƯ DỰ ÁN</b>	<b>147.517</b>
	Cảng thủy nội địa Q9	147.517
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>171.008</b>

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 13.409.588 cổ phần, chiếm 99,6010 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

### Điều 2: Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2017

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 13.407.342 cổ phần, chiếm 99,5843 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

### Điều 3. Thông qua Báo cáo tài chính Công ty mẹ và Hợp nhất đã kiểm toán năm 2017

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 13.409.588 cổ phần, chiếm 99,6010 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

### Điều 4. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2017 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018

#### I. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2017:

#### 2. Trích lập các quỹ:

(Theo các mức tỷ lệ trích quỹ đã được ĐHĐCĐ 2017 thông qua)

**2. Lợi nhuận chưa phân phối còn lại chuyển sang năm sau để bổ sung Quỹ tái đầu tư.**

Chi tiết phân phối như sau:

- Chi tiết phân phối như sau:

- Lợi nhuận sau thuế năm 2017	:	62.766.411.699đ
Các khoản giảm trừ lợi nhuận:	:	3.930.079.505 đ
- Lợi ích của cổ đông thiểu số	:	3.930.079.505 đ
<b>Lợi nhuận phân phối</b>	:	<b>58.836.332.194đ</b>
+ Trích quỹ đầu tư phát triển <sup>(1)</sup>	:	6.503.767.351 đ
+ Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi <sup>(2)</sup>	:	9.498.478.004 đ
+ Trích Quỹ thưởng BQL điều hành Công ty mẹ	:	279.166.667 đ
+ Trích thưởng BQL điều hành Công ty con	:	255.000.000 đ
+ Chia cổ tức (18%/Vốn điều lệ) <sup>(3)</sup>	:	26.996.864.400 đ
+ Hình thức chi trả bằng tiền	:	
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	:	15.303.055.772 đ

**Ghi chú:**

<sup>(1)</sup> Trích quỹ đầu tư phát triển (Công ty mẹ: 5.754.115.765 đồng, các công ty con: 749.651.586 đồng).

<sup>(2)</sup> Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (Công ty mẹ: 8.631.173.648 đồng, các công ty con: 867.304.356 đồng).

<sup>(3)</sup> Đại hội cổ đông năm 2017 đã thông qua kế hoạch chia cổ tức với tỷ lệ 15% trên vốn điều lệ. Tuy nhiên căn cứ vào kết quả SXKD năm 2017, HĐQT Công ty CP Kho Vận Tân Cảng đề nghị Đại hội cổ đông xem xét tăng tỷ lệ chi trả cổ tức từ 15% lên 18% trên vốn điều lệ.

**II. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018:**

Năm 2018, Lợi nhuận sau khi thực hiện các nghĩa vụ về thuế cho Nhà nước và loại trừ các khoản giảm trừ dự kiến trình ĐHCĐ phân phối như sau:

Trích lập các quỹ và chia cổ tức

+ Trích quỹ đầu tư phát triển.	:	10%
+ Trích Quỹ khen thưởng	:	5%
+ Trích Quỹ phúc lợi	:	10%
+ Trích Quỹ khen thưởng ban quản lý điều hành	:	420.000.000 đ
+ Lợi nhuận chia cổ tức	:	18 % Vốn điều lệ
+ Hình thức chi trả cổ tức: Bằng tiền	:	
+ Thời gian chi trả cổ tức: Giao HĐQT lựa chọn thời điểm chi trả cổ tức hợp lý.	:	

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 13.409.588 cổ phần, chiếm 99,6010 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

**Điều 5: Thông qua Phương án trả lương năm 2018**

1. Chấp thuận quỹ tiền lương kế hoạch năm 2018 của người lao động là 119,72 tỷ đồng (Trương ứng với doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là 598,52 tỷ, lợi nhuận trước thuế là 74,74 tỷ đồng) .

2. Quỹ tiền lương kế hoạch của viên chức quản lý năm 2018 : 3.360.000.000 đồng.

3. Quỹ lương thực hiện năm 2018 của công ty sẽ được điều chỉnh căn cứ vào kết quả SXKD thực hiện năm 2018 và quyết toán quỹ lương thực hiện theo thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động TBXH.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 13.407.164 cổ phần, chiếm 99,5830 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

**Điều 6: Thông qua việc quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2017 và kế hoạch trả thù lao năm 2018**

**I - Quyết toán thù lao, thưởng vượt KH lợi nhuận 2017**

**1. Quyết toán thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát , thư ký năm 2017**

- Chủ tịch Hội đồng quản trị: 8.000.000 đồng/người/tháng
- Thành viên Hội đồng quản trị: 5.000.000 đồng/người/tháng
- Trưởng Ban kiểm soát: 5.000.000 đồng/người/tháng
- Thành viên Ban kiểm soát: 2.500.000 đồng/người/tháng
- Thư ký công ty 2.500.000 đồng/người/tháng

Tổng số tiền thù lao đã chi năm 2017: 516.000.000 đồng, bằng với mức duyệt chi tại đại hội cổ đông năm 2017.

**II - Kế hoạch chi trả thù lao năm 2018**

**1. Kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS, Thư ký**

STT	BAN ĐIỀU HÀNH	SL	Thù lao/người/tháng	Thù lao/người/năm	Cộng
<b>I</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>	<b>05</b>			
1	Chủ tịch	01	8.000.000	96.000.000	96.000.000
2	Thành viên	04	5.000.000	60.000.000	240.000.000
<b>II</b>	<b>Ban kiểm soát</b>	<b>03</b>			
	Trưởng ban	01	5.000.000	60.000.000	60.000.000
	Thành viên	02	2.500.000	30.000.000	60.000.000
<b>III</b>	<b>Thư ký công ty</b>	<b>02</b>	2.500.000	30.000.000	60.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>					<b>516.000.000</b>

**2. Thưởng vượt KH lợi nhuận ĐHĐCĐ giao năm 2018 cho Ban điều hành:**

HDQT trình ĐHĐCĐ trích thưởng 15 % phần lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch cho Ban điều hành nếu lợi nhuận sau thuế thực hiện vượt kế hoạch năm 2018 do ĐHĐCĐ giao (LN sau thuế KH năm 2018 là: **65.837.966.859** đồng).

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 13.381.184 cổ phần, chiếm 99,3900 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

**Điều 7: Thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán năm 2018**

Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) chi nhánh Hà Nội làm Công ty kiểm toán độc lập cho Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng trong năm tài chính 2018.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 13.384.642 cổ phần, chiếm 99,4157 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

**Điều 8: Thông qua việc miễn nhiệm thành viên HDQT và bầu thay thế thành viên HDQT.**

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 13.384.642 cổ phần, chiếm 99,4157 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

**Điều 9: Thông qua việc miễn nhiệm thành viên và bầu thay thế Kiểm soát viên.**

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 13.382.396 cổ phần, chiếm 99,3990 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

**Điều 10: Thông qua việc sửa đổi Điều lệ Công ty CP Kho Vận Tân Cảng.**

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 13.384.642 cổ phần, chiếm 99,4157 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

**Điều 11: Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty.**

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 13.384.642 cổ phần, chiếm 99,4157 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Nghị quyết được ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Kho vận Tân Cảng thông qua toàn văn ngay tại Đại hội. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm thi hành nghị quyết này.

Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ký.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**



**Phùng Ngọc Minh**



**BIÊN BẢN CUỘC HỌP  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018**

**Tên Công ty:** Công ty cổ phần Kho vận Tân Cảng

**Địa chỉ:** Công C, Cảng Tân Cảng - Cát Lái, Phường Cát Lái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh

**Điện thoại:** (08) 3742 2181

**Fax:** (08) 3742 2041

**Giấy Chứng nhận ĐKDN:** Số 0309532497 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 04/10/2010, thay đổi lần thứ 5 ngày 6/4/2018.

**Thời gian:** 09 giờ 00 thứ sáu ngày 16 tháng 5 năm 2018

**Địa điểm:** Hội trường Công ty, Công C, Cảng Tân Cảng Cát Lái, P. Cát Lái, Q.2, TP.HCM

**PHẦN I: GIỚI THIỆU KHAI MẠC CUỘC HỌP**

**I. Báo cáo kiểm tra tư cách đại biểu:**

- Người báo cáo: Ông Huỳnh Thế Nhân – Trưởng ban Kiểm tra tư cách đại biểu
- Nội dung báo cáo:
  - Tổng số cổ đông mời tham dự: Toàn bộ cổ đông có tên trong danh sách cổ đông chốt ngày 24/4/2018, sở hữu 14.998.258 cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Kho vận Tân Cảng.
  - Cổ đông tham dự Đại hội: 50 cổ đông và đại diện cổ đông, sở hữu và đại diện sở hữu cho 13.262.332 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 88,4258 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.
  - Theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Kho vận Tân Cảng đủ điều kiện để tiến hành Đại hội.
  - Tại thời điểm kiểm phiếu biểu quyết các nội dung Báo cáo và Tờ trình tại Đại hội, cổ đông tham dự Đại hội: 56 cổ đông và đại diện cổ đông, sở hữu và đại diện sở hữu cho 13.463.305 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 89,7658 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

**II. Giới thiệu Đoàn Chủ tịch, Thư ký, Ban Kiểm Phiếu.**

**1. Đoàn Chủ tịch:**

Ông Phùng Ngọc Minh	Chủ tọa
Ông Trần Quang Thảo	Thành viên Đoàn chủ tịch
Bà Võ Thị Xuân Lan	Thành viên Đoàn chủ tịch

## **2. Thư ký:**

Bà Lê Thị Thúy Hồng

Thư ký

Bà Lương Thị Hồng Diễm

Thư ký

## **3. Ban Kiểm Phiếu:**

Ông Đoàn Xuân Phi

Trưởng Ban Kiểm Phiếu

Ông Đào Tuấn Anh

Thành viên Ban Kiểm phiếu

Đại hội nhất trí thông qua danh sách danh sách Đoàn Chủ tịch, Thư ký, Ban Kiểm Phiếu.

## **III. Giới thiệu Chương trình Đại hội và Quy chế làm việc tại Đại hội**

Ông Trần Minh Lãng – Phó Giám đốc Công ty

Đại hội thông qua Chương trình Đại hội và Quy chế Đại hội

## **PHẦN II: NỘI DUNG ĐẠI HỘI**

- Báo cáo Hội đồng quản trị năm 2017 và Kế hoạch năm 2018 - Người trình bày: Ông Trần Quang Thảo;
- Báo cáo Ban kiểm soát năm 2017 - Người trình bày: Ông Huỳnh Thế Nhân;
- Tờ trình Thông qua Báo cáo tài chính Công ty mẹ và Hợp nhất kiểm toán năm 2017 - Người trình bày: Ông Trần Quang Thảo;
- Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2017 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018 - Người trình bày: Ông Trần Quang Thảo;
- Tờ trình Phương án trả lương năm 2018 - Người trình bày: Ông Trần Quang Thảo;
- Tờ trình quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2017 và kế hoạch 2018 - Người trình bày: Ông Trần Quang Thảo;
- Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2018 - Người trình bày: Ông Trần Quang Thảo.
- Tờ trình miễn nhiệm thành viên HĐQT và bầu thay thế thành viên HĐQT – Người trình bày: Ông Trần Quang Thảo
- Tờ trình miễn nhiệm Kiểm soát viên và bầu thay thế Kiểm soát viên – Người trình bày: Ông Trần Quang Thảo.
- Tờ trình sửa đổi bổ sung Điều lệ công ty – Người trình bày: Ông Trần Quang Thảo.
- Tờ trình thông qua Quy chế quản trị công ty – Người trình bày: Ông Trần Quang Thảo

## **PHẦN III. ĐẠI HỘI THẢO LUẬN**

Các đại biểu tham dự đặt câu hỏi trực tiếp tại Đại hội. Sau khi Chủ tọa Đại hội trả lời các câu hỏi của đại biểu, các đại biểu không có câu hỏi nào khác, phần thảo luận kết thúc.

## **PHẦN IV. CỔ ĐÔNG BIỂU QUYẾT**

Sau khi nghe nội dung các Báo cáo và các Tờ trình, Đại hội đã thảo luận và biểu quyết nhất trí thông qua nghị quyết với các nội dung như sau:

**Điều 1: Thông qua Báo cáo của HĐQT năm 2017 và Kế hoạch năm 2018**

**1. Kết quả sản lượng, doanh thu chi phí thực hiện năm 2017 công ty mẹ**

**a) Kết quả sản lượng**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2016	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	% so với KH	% so cùng kỳ
I	<b>Sản lượng thông qua bãi</b>	Teu	<b>521.507</b>	<b>552.797</b>	<b>540.351</b>	<b>97,7</b>	<b>103,61</b>
1	Bãi CL		292.675	310.236	328.163	105,78	112,13
2	Bãi Cảng Mở		103.681	109.902	107.586	97,89	103,77
3	Bãi TC-ST		125.151	132.660	104.602	78,8	83,58
II	<b>Sản lượng thông qua kho</b>	Tấn	<b>1.029.831</b>	<b>1.143.114</b>	<b>1.134.379</b>	<b>99,24</b>	<b>110,15</b>
1	Kho Cát Lái		1.029.831	1.143.114	1.134.379	99,24	110,15
III	<b>Sản lượng vận tải vòng ngoài</b>	Teu	<b>13.883</b>	<b>33.901</b>	<b>33.169</b>	<b>97,8</b>	<b>238,92</b>

**b) Kết quả thực hiện doanh thu, chi phí, lợi nhuận.**

*Đơn vị tính: trđ*

Chỉ tiêu	Thực hiện 2016	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	% so KH	% so cùng kỳ
<b>A</b>		<b>1</b>	<b>2</b>		
<b>I. Tổng doanh thu, thu nhập thuần, lãi lỗ LKLD</b>	<b>476.611</b>	<b>550.143</b>	<b>567.279</b>	<b>103,11</b>	<b>119,02</b>
1. Doanh thu bán hàng	468.834	546.343	557.134	101,98	118,83
2. Doanh thu hoạt động tài chính	6.629	3.400	8.965	263,67	135,24
3. Thu nhập khác	1.148	400	1.180	295,09	102,81
<b>II. Tổng chi phí</b>	<b>405.295</b>	<b>478.273</b>	<b>495.045</b>	<b>103,51</b>	<b>122,14</b>
1. Giá vốn hàng bán	347.606	419.666	439.058	104,62	126,31
2. Chi phí tài chính	12.252	12.545	11.760	93,74	96
3. Chi phí bán hàng	5.357	8.972	5.628	62,72	105,04
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	38.830	36.690	37.431	102,02	96,4
5. Chi phí khác	1.250	400	1.168	291,89	93,41
<b>III. Tổng lợi nhuận trước thuế</b>	<b>71.316</b>	<b>71.870</b>	<b>72.234</b>	<b>100,51</b>	<b>101,29</b>
1. Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành	14.946	13.894	14.327	103,12	95,86
2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(519)		366		
<b>IV. Tổng lợi nhuận sau thuế</b>	<b>56.889</b>	<b>57.976</b>	<b>57.541</b>	<b>99,25</b>	<b>101,15</b>

2. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017 (BCTC Hợp nhất kiểm toán năm 2017)

Đơn vị tính: trđ

Chỉ tiêu	Thực hiện 2016	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	% so KH	% so cùng kỳ
A		1	2		
<b>I. Tổng doanh thu, thu nhập thuần, lãi lỗ LKLD</b>	<b>627.899</b>	<b>690.337</b>	<b>686.897</b>	<b>99,5</b>	<b>109,4</b>
1. Doanh thu bán hàng	622.634	687.999	679.417	98,75	109,12
2. Doanh thu hoạt động tài chính	4.764	1.161	6.117	526,85	128,39
3. Thu nhập khác	584	1.177	1.312	111,43	224,53
4. Phân lỗ, lãi trong công ty liên kết	(83)	-	51	-	
<b>II. Tổng chi phí</b>	<b>548.355</b>	<b>608.328</b>	<b>607.301</b>	<b>99,83</b>	<b>110,75</b>
1. Giá vốn hàng bán	477.742	535.999	539.185	100,59	112,86
2. Chi phí tài chính	18.726	18.541	17.179	92,66	91,74
3. Chi phí bán hàng	5.888	10.446	6.502	62,24	110,43
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	44.464	42.827	42.987	100,37	96,68
5. Chi phí khác	1.535	515	1.448	281,09	94,27
<b>III. Tổng lợi nhuận trước thuế</b>	<b>79.544</b>	<b>82.009</b>	<b>79.596</b>	<b>97,05</b>	<b>100,07</b>
1. Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành	17.065	16.399	16.464	100,39	96,48
2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(519)	-	366	-	
<b>IV. Tổng lợi nhuận sau thuế</b>	<b>62.998</b>	<b>65.610</b>	<b>62.766</b>	<b>95,67</b>	<b>99,63</b>
<b>V. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đ/CP)</b>	<b>3.309</b>	<b>3.422</b>	<b>3.223</b>	<b>94,18</b>	<b>97,4</b>

3. Kế hoạch sản lượng, doanh thu, chi phí, lợi nhuận năm 2018 (Công ty mẹ):

a. Kế hoạch sản lượng năm 2018

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018	(%)
<b>I</b>	<b>Sản lượng thông qua bãi</b>	<b>Teu</b>	<b>540.351</b>	<b>567.369</b>	<b>105,00</b>
1	Bãi CL		328.163	344.571	105,00
2	Bãi Cảng Mở		107.586	112.965	105,00
3	Bãi TC-Suối Tiên		104.602	109.832	105,00
<b>II</b>	<b>Sản lượng thông qua kho</b>	<b>Tấn</b>	<b>1.134.379</b>	<b>1.254.361</b>	<b>110,58</b>
1	Kho Cát Lái		1.134.379	1.254.361	110,58
<b>III</b>	<b>Sản lượng vận tải vòng ngoài</b>	<b>Teu</b>	<b>33.169</b>	<b>33.301</b>	<b>100,40</b>

**b. Kế hoạch doanh thu chi phí, lợi nhuận năm 2018**

*ĐVT: đồng*

Chỉ tiêu	Thực hiện Năm 2017	Kế hoạch Năm 2018	Tỷ lệ (%)
A	1	2	3=2/1*100
<b>I. Tổng doanh thu, thu nhập thuần</b>	<b>567.279.172.581</b>	<b>605.268.609.920</b>	<b>106,7</b>
1. Doanh thu bán hàng	557.134.160.469	598.517.609.920	107,43
2. Doanh thu hoạt động tài chính	8.964.666.685	6.206.000.000	69,23
3. Thu nhập khác	1.180.345.427	545.000.000	46,17
<b>II. Tổng chi phí</b>	<b>495.044.688.323</b>	<b>530.526.770.014</b>	<b>107,17</b>
1. Giá vốn hàng bán	439.058.231.242	473.562.419.908	107,86
2. Chi phí tài chính	11.759.944.637	10.876.335.417	92,49
3. Chi phí bán hàng	5.627.505.234	7.049.200.000	125,26
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	37.431.466.042	38.493.314.689	102,84
5. Chi phí khác	1.167.541.168	545.500.000	46,72
<b>III. Tổng lợi nhuận trước thuế</b>	<b>72.234.484.258</b>	<b>74.741.839.906</b>	<b>103,47</b>
1. Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành	14.327.158.412	14.307.167.981	99,86
2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	366.168.195	-	-
<b>IV. Tổng lợi nhuận sau thuế</b>	<b>57.541.157.651</b>	<b>60.434.671.925</b>	<b>105,03</b>

**4. Thông qua kết quả đầu tư năm 2017**

STT	TÊN HẠNG MỤC ĐẦU TƯ	Kế Hoạch 2017	Thực hiện 2017	% TH/ KH 2017
A	<b>CÔNG TY MẸ ĐẦU TƯ</b>	<b>202.716</b>	<b>44.951</b>	<b>22,17</b>
I	<b>ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN</b>	<b>18.526</b>	<b>14.503</b>	<b>78,28</b>
1	Xây dựng kho 02 tầng GĐ1 (phần còn lại)	12.650	11.005	87
2	Sửa chữa kho 05 Cát Lái	3.376	2.698	79,9
3	Mở rộng văn phòng kho 5 Cát Lái	2.500	800	32
II	<b>MUA SẴM THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ</b>	<b>33.253</b>	<b>30.448</b>	<b>91,56</b>
1	Camera kho 2,3	4.502	4.502	100
2	HT chữa cháy tự động sprinkler	6.490	4.554	70,2
3	06 xe đầu kéo nội bộ	10.575	10.575	101
4	03 Mooc nội bộ	1.050	-	-
5	03 mooc qua khổ	1.860	1.860	100
6	05 Handheld thủ kho	247	275	111,3

STT	TÊN HẠNG MỤC ĐẦU TƯ	Kế Hoạch 2017	Thực hiện 2017	% TH/ KH 2017
7	08 Handheld kho đầu kéo nội bộ	680	729	107,2
8	Mở rộng tính năng phân hệ kho CFS phần mềm WMSVN	1.549	1.549	100
9	Phân hệ kho Ngoại quan WMSVN	4.000	1.222	30,55
10	08 Máy phát điện	2.000	647	32,35
11	15 Mooc vận tải ngoài	4.425	4.425	100
<b>III</b>	<b>ĐẦU TƯ DỰ ÁN</b>	<b>147.517</b>	-	
	Cảng thủy nội địa Q9	147.517		
<b>III</b>	<b>ĐẦU TƯ RA NGOÀI DN</b>	<b>3.420</b>	<b>0</b>	
	Góp thêm vốn vào TC-HL	3.420	0	

### 5. Kế hoạch đầu tư năm 2018

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	TÊN HẠNG MỤC ĐẦU TƯ	KH 2018
<b>I</b>	<b>ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN</b>	<b>4.665</b>
1	Sửa chữa kho 05 Cát Lái (Quyết toán)	665
2	Mở rộng văn phòng kho 5 Cát Lái	1.700
3	Đường cho người đi bộ khu vực kho, bãi CL	300
4	Bãi đậu xe VTVN Phú Hữu (dải đá, lu lèn; dựng hàng rào)	2.000
<b>II</b>	<b>MUA SẴM THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ</b>	<b>18.826</b>
1	Phần mềm kho ngoại quan	2.778
2	Máy phát điện xe chạy ngoài (05 máy)	1.353
3	Nâng cấp lưu trữ dữ liệu camera	1.575
4	Thiết bị tường lửa	500
5	Mooc QK, QT	620
6	Xe nâng hàng phục vụ xếp dỡ tại bãi Cát Lái	12.000
<b>III</b>	<b>ĐẦU TƯ DỰ ÁN</b>	<b>147.517</b>
	Cảng thủy nội địa Q9	147.517
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>171.008</b>

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 13.409.588 cổ phần, chiếm 99,6010 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

**Điều 2: Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2017**

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 13.407.342 cổ phần, chiếm 99,5843 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

**Điều 3. Thông qua Báo cáo tài chính Công ty mẹ và Hợp nhất đã kiểm toán năm 2017**

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 13.409.588 cổ phần, chiếm 99,6010 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

**Điều 4. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2017 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018**

**I. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2017:**

**2. Trích lập các quỹ:**

*(Theo các mức tỷ lệ trích quỹ đã được ĐHĐCĐ 2017 thông qua)*

**2. Lợi nhuận chưa phân phối còn lại chuyển sang năm sau để bổ sung Quỹ tái đầu tư.**

Chi tiết phân phối như sau:

- Chi tiết phân phối như sau:

- Lợi nhuận sau thuế năm 2017	:	62.766.411.699 đ
Các khoản giảm trừ lợi nhuận:	:	3.930.079.505 đ
- Lợi ích của cổ đông thiểu số	:	3.930.079.505 đ
<b>Lợi nhuận phân phối</b>	:	<b>58.836.332.194 đ</b>
+ Trích quỹ đầu tư phát triển <sup>(1)</sup>	:	6.503.767.351 đ
+ Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi <sup>(2)</sup>	:	9.498.478.004 đ
+ Trích Quỹ thưởng BQL điều hành Công ty mẹ	:	279.166.667 đ
+ Trích thưởng BQL điều hành Công ty con	:	255.000.000 đ
+ Chia cổ tức (18%/Vốn điều lệ) <sup>(3)</sup>	:	26.996.864.400 đ

+ Hình thức chi trả bằng tiền

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối : 15.303.055.772 đ

Ghi chú:

<sup>(1)</sup> Trích quỹ đầu tư phát triển (Công ty mẹ: 5.754.115.765 đồng, các công ty con: 749.651.586 đồng).

<sup>(2)</sup> Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (Công ty mẹ: 8.631.173.648 đồng, các công ty con: 867.304.356 đồng).

<sup>(3)</sup> Đại hội cổ đông năm 2017 đã thông qua kế hoạch chia cổ tức với tỷ lệ 15% trên vốn điều lệ. Tuy nhiên căn cứ vào kết quả SXKD năm 2017, HĐQT Công ty CP

Kho Vận Tân Cảng đề nghị Đại hội cổ đông xem xét tăng tỷ lệ chi trả cổ tức từ 15% lên 18% trên vốn điều lệ.

## **II. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018:**

Năm 2018, Lợi nhuận sau khi thực hiện các nghĩa vụ về thuế cho Nhà nước và loại trừ các khoản giảm trừ dự kiến trình ĐHCĐ phân phối như sau:

Trích lập các quỹ và chia cổ tức

+ Trích quỹ đầu tư phát triển.	:	10%
+ Trích Quỹ khen thưởng	:	5%
+ Trích Quỹ phúc lợi	:	10%
+ Trích Quỹ khen thưởng ban quản lý điều hành	:	420.000.000 đ
+ Lợi nhuận chia cổ tức	:	18 % Vốn điều lệ

+ Hình thức chi trả cổ tức: Bằng tiền

+ Thời gian chi trả cổ tức: Giao HĐQT lựa chọn thời điểm chi trả cổ tức hợp lý.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 13.409.588 cổ phần, chiếm 99,6010 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

### **Điều 5: Thông qua Phương án trả lương năm 2018**

1. Chấp thuận quỹ tiền lương kế hoạch năm 2018 của người lao động là 119,72 tỷ đồng (Tương ứng với doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là 598,52 tỷ, lợi nhuận trước thuế là 74,74 tỷ đồng) .

2. Quỹ tiền lương kế hoạch của viên chức quản lý năm 2018 : 3.360.000.000 đồng.

3. Quỹ lương thực hiện năm 2018 của công ty sẽ được điều chỉnh căn cứ vào kết quả SXKD thực hiện năm 2018 và quyết toán quỹ lương thực hiện theo thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động TBXH.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 13.407.164 cổ phần, chiếm 99,5830 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

### **Điều 6: Thông qua việc quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2017 và kế hoạch trả thù lao năm 2018**

#### **I - Quyết toán thù lao, thưởng vượt KH lợi nhuận 2017**

##### **1. Quyết toán thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát , thư ký năm 2017**

- Chủ tịch Hội đồng quản trị: 8.000.000 đồng/người/tháng
- Thành viên Hội đồng quản trị: 5.000.000 đồng/người/tháng
- Trưởng Ban kiểm soát: 5.000.000 đồng/người/tháng
- Thành viên Ban kiểm soát: 2.500.000 đồng/người/tháng
- Thư ký công ty 2.500.000 đồng/người/tháng



Tổng số tiền thù lao đã chi năm 2017: 516.000.000 đồng, bằng với mức duyệt chi tại đại hội cổ đông năm 2017.

## II - Kế hoạch chi trả thù lao năm 2018

### 1. Kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS, Thư ký

STT	BAN ĐIỀU HÀNH	SL	Thù lao/người/tháng	Thù lao/người/năm	Cộng
<b>I</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>	<b>05</b>			
1	Chủ tịch	01	8.000.000	96.000.000	96.000.000
2	Thành viên	04	5.000.000	60.000.000	240.000.000
<b>II</b>	<b>Ban kiểm soát</b>	<b>03</b>			
	Trưởng ban	01	5.000.000	60.000.000	60.000.000
	Thành viên	02	2.500.000	30.000.000	60.000.000
<b>III</b>	<b>Thư ký công ty</b>	<b>02</b>	2.500.000	30.000.000	60.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>					<b>516.000.000</b>

### 2. Thuởng vượt KH lợi nhuận ĐHĐCĐ giao năm 2018 cho Ban điều hành:

HĐQT trình ĐHĐCĐ trích thưởng 15 % phần lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch cho Ban điều hành nếu lợi nhuận sau thuế thực hiện vượt kế hoạch năm 2018 do ĐHĐCĐ giao (LN sau thuế KH năm 2018 là: **65.837.966.859** đồng).

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 13.381.184 cổ phần, chiếm 99,3900 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

### Điều 7: Thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán năm 2018

Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) chi nhánh Hà Nội làm Công ty kiểm toán độc lập cho Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng trong năm tài chính 2018.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 13.384.642 cổ phần, chiếm 99,4157 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

### Điều 8: Thông qua việc miễn nhiệm thành viên HĐQT và bầu thay thế thành viên HĐQT.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 13.384.642 cổ phần, chiếm 99,4157 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

### Điều 9: Thông qua việc miễn nhiệm thành viên và bầu thay thế Kiểm soát viên.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 13.382.396 cổ phần, chiếm 99,3990 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

**Điều 10: Thông qua việc sửa đổi Điều lệ Công ty CP Kho Vận Tân Cảng.**

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 13.384.642 cổ phần, chiếm 99,4157 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

**Điều 11: Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty.**

Tỷ lệ biểu quyết tán thành: 13.384.642 cổ phần, chiếm 99,4157 % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

**PHẦN V: THÔNG QUA BIÊN BẢN VÀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI**

Người trình bày: Bà Lê Thị Thúy Hồng đọc Biên bản Đại hội

Người trình bày: Ông Trần Quang Thảo thông qua Nghị quyết Đại hội

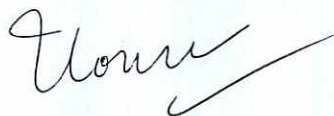
Đại hội biểu quyết và nhất trí thông qua toàn văn Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 với 100% số phiếu tán thành.

Đại hội biểu quyết và nhất trí thông qua toàn văn Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 với 100% số phiếu tán thành.

Biên bản nay được lập thành 04 bản và được lưu tại Công ty cổ phần Kho vận Tân Cảng.

Đại hội kết thúc 11 giờ 45 phút cùng ngày.

**THƯ KÝ ĐẠI HỘI**



**Lê Thị Thúy Hồng**

**TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH**  
**Chủ tịch HĐQT**



**Phùng Ngọc Minh**